

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.89	9.58	9.14	8.67	9.04
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					6.89	5.58	5.14	6.67	9.04
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.84	652.81	652.80	652.78	652.75	652.80	652.80	652.80	652.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.30	0.00	0.30	0.30	0.68	0.61	0.52	0.41	0.28
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				69.15	69.14	69.12	69.10	69.08	69.07
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					18.84	17.12	17.10	17.92	18.48
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					20.50	20.50	20.50	20.50	20.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.29	37.25	37.25	37.25	37.25	37.25
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.35	0.29	0.32	0.31	0.28	0.25
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.49	60.45	60.50	60.50	60.50	60.50
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.75	0.93	0.90	0.87	0.82	0.78
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				23.29	23.20	23.15	23.15	23.10	23.10
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				25.20	22.87	23.33	22.60	22.75	22.84
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 767.02 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.44 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.24 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.18 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.23 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.51 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0.00 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 652.78 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.30 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 69.15 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 37.29 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.35 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.49 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.75 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 23.29 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa